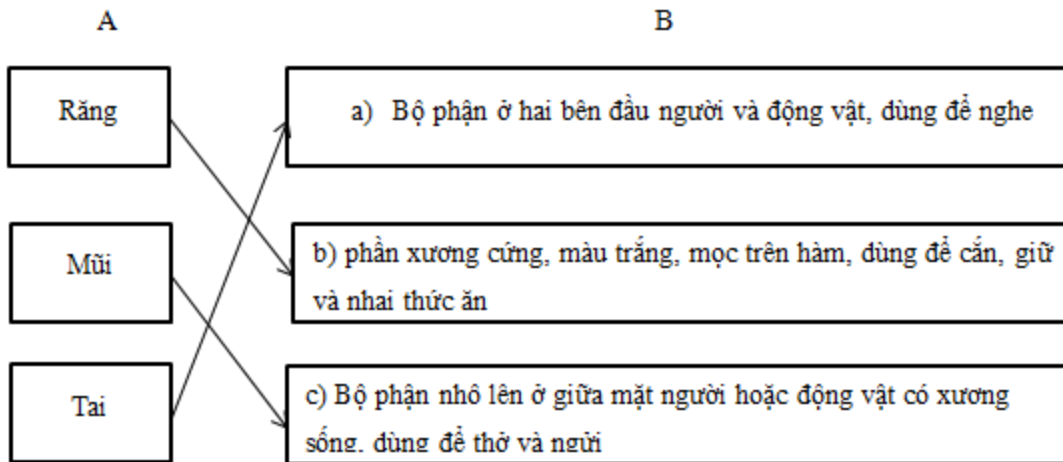


Giải câu 1 trang 41, 42 vở bài tập Tiếng Việt Lớp 5

Nối từ ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B:

A	B
Răng	a) Bộ phận ở hai bên đầu người và động vật, dùng để nghe
Mũi	b) phần xương cứng, màu trắng, mọc trên hàm, dùng để cắn, giữ và nhai thức ăn
Tai	c) Bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật có xương sống. dùng để thở và ngửi

Đáp án:



Giải câu 2 trang 41, 42 vở bài tập Tiếng Việt Lớp 5

Nghĩa của các từ răng, mũi, tai trong khổ thơ sau có gì khác với nghĩa của chúng ở bài tập 1.

M: **Răng** của chiếc → Răng của chiếc cào không dùng để nhai như răng của người, của con cào vật.

Làm sao nhai được?

Mũi thuyền rẽ nước

Thì người cái gì?

Cái âm không nghe

Sao **tai** lại mọc?...

Đáp án:

M: **Răng** của chiếc cào → Răng của chiếc cào không dùng để nhai như răng của người, của con vật.

Làm sao nhai được?

Mũi thuyền rẽ nước → Mũi của chiếc thuyền chỉ là một bộ phận của chiếc thuyền, nó không thể người được

Thì người cái gì?

Cái âm không nghe

Sao **tai** lại mọc?... → Tai của cái âm không dùng để nghe được.

Giải câu 3 trang 41, 42 vở bài tập Tiếng Việt lớp 5

Nghĩa của các từ răng, mũi, tai ở bài tập 1 và bài tập 2 có gì giống nhau?

- Nghĩa của các từ răng: đều chỉ vật nhọn, sắc, sắp đều nhau thành hàng.

- Nghĩa của các từ mũi:

- Nghĩa của các từ tai:

Đáp án:

Nghĩa của các từ răng: đều chỉ vật nhọn, sắc, sắp đều nhau thành hàng.

- Nghĩa của các từ mũi: đều chỉ bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước.

- Nghĩa của các từ tai: Cùng chỉ bộ phận mọc ở hai bên, chia ra như cái tai.

Luyện tập

Câu 1. Đọc các câu dưới đây. In đậm các từ mắt, chân, đầu mang nghĩa gốc; gạch hai gạch (-) dưới các từ mắt, chân, đầu mang nghĩa chuyển:

a) **Mắt** - Đôi **mắt** của bé mở to.

- Quả na mở mắt.

b) Chân - Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- Bé đau chân.

c) Đầu - Khi viết, em đừng ngoẹo đầu.

- Nước suối đầu nguồn rất trong.

Đáp án:

a) Mắt - Đôi **mắt** của bé mở to.

- Quả na mở mắt.

b) Chân - Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

- Bé đau **chân**.

c) Đầu - Khi viết, em đừng ngoẹo **đầu**.

- Nước suối đầu nguồn rất trong.

Câu 2. Các từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật thường là từ nhiều nghĩa. Hãy tìm một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của những từ cho trong bảng dưới đây:

Từ nhiều nghĩa Ví dụ

lưỡi M: lưỡi liềm,

miệng

cổ

tay

lưng

Đáp án:**Từ nhiều nghĩa Ví dụ**

lưỡi M: lưỡi liềm, lưỡi cưa, lưỡi cày, lưỡi lê, lưỡi gươm, lưỡi búa, lưỡi rìu,...

miệng miệng chén, miệng túi, miệng bao, miệng bình,...

cổ cổ chai, cổ tay, cổ chân, cổ áo, cổ lọ, cổ bình,...

tay tay áo, tay ghế, tay quay, tay (chơi) bóng cừ khôi, tay súng thiện xạ,...

lưng lưng ghé, lưng đôi, lưng núi, lưng trời, lưng chén, lưng li,...

